

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA NỘI -
BS ĐOÀN VĂN SANG THUỘC HỘ KINH DOANH ĐOÀN VĂN SANG
(Kèm theo Quyết định số 596/QĐ-SYT ngày 26/4/2025 của Sở Y tế)

STT	Phụ lục số 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT			
	STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	656	2.254	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có dùng thuốc tiền mê
2.	658	2.256	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm
3.	661	2.259	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết
4.	663	2.261	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê
5.	664	2.262	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết
6.	669	2.267	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - cắt gấp bã thức ăn dạ dày
7.	674	2.272	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori
8.	675	2.273	02. NỘI KHOA	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ
9.	692	2.290	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa
10.	694	2.292	02. NỘI KHOA	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su
11.	701	2.299	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng dải tần hẹp (NBi)
12.	702	2.300	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBi)
13.	706	2.304	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết
14.	707	2.305	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
15.	708	2.306	02. NỘI KHOA	Nội soi đại tràng sigma không

				sinh thiết
16.	709	2.307	02. NỘI KHOA	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết
17.	710	2.308	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
18.	711	2.309	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết

Tổng: 18 danh mục.